

STT	Họ và tên Chủ sử dụng đất	Căn cước công dân	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Theo bản đồ hiện trạng			Theo GCN QSD đất			Diện tích thu hồi trong chỉ giới (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Loại đất bồi thường	Loại đất theo bản đồ hiện trạng	Hình thức giao	Kinh phí bồi thường: đất nông nghiệp 70.000d/m ² ; đất ở 6.900.000d/m ²	Kinh phí bồi thường hỗ trợ về tài sản						Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ chuyên đổi nghề nghiệp tìm kiếm việc làm: 350.000d/m ²	Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ theo thừa (đồng)	Tổng kinh Phí bồi thường hỗ trợ hộ gia đình cá nhân được nhận (đồng)	Ghi chú	
				Lâu dài (m ²)	Đơn Vị	Số Lượng	Đơn Giá	Tỷ lệ	Thành Tiền					Kinh phí bồi thường hỗ trợ tài sản theo thừa (đồng)		Mức hỗ trợ: 15.000 đồng/m ²											
															Sân đổ bê tông mác 200 đá 1x2 KT (7,3m x 3,2m+8m x 3m) dày 0,1m	m ³	4,7	2.041.000	80%	7.732.941							
															Bán mái loại 2 KT 9m x 9,6m (Bán mái ngoài chỉ giới làm liền với phần bán mái trong chỉ giới)	m ²	86,4	601.000	0%	0							Tạo lập tài sản sau 01/7/2014
															Bán mái loại 3 KT 3m x 4m (Bán mái ngoài chỉ giới làm liền với phần mái Fibro trong chỉ giới)	m ²	12,0	149.000	0%	0							
															Cây vải thiều Đk tán 8,7m; Đk gốc 40-45cm	Cây	3,0	4.050.000	100%	12.150.000							
															Cây nhãn ĐK tán 5m; Đk gốc 30-35cm	Cây	1,0	2.750.000	100%	2.750.000							
															Cây trứng gà đk gốc 15cm	Cây	1,0	735.000	100%	735.000							
															Cây hồng xiêm đk gốc 7-10cm	Cây	4,0	315.000	100%	1.260.000							
															Cây hồng xiêm đk gốc 5cm	Cây	2,0	169.000	100%	338.000							

